

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vụ án dân sự thụ lý số: 2267/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Khu phố E, phường F, thành phố D, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Bùi Thế P**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Bùi Thế P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị N và anh P có 02 con chung là các cháu Bùi Thế T, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2014 và cháu Bùi Thế T1, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2020. Chị N và anh P thống nhất thỏa thuận khi ly hôn thì chị N nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là các cháu T và cháu T1, anh P cấp dưỡng nuôi 02 con chung 10.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng) kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành và đủ khả năng lao động.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về cấp dưỡng thì kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N, anh P xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N, anh P xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000819 ngày 22 tháng 12 năm

2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chi N đã nộp xong.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Nơi ĐKKH (UBND P. C - GCNKH 216/2013);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Vũ Bảo**